

ỨNG DỤNG NGUYÊN LÝ CARNAVAL CỦA M.M. BAKHTIN TRONG NGHIÊN CỨU – PHÊ BÌNH VĂN HỌC Ở VIỆT NAM NHÌN TỪ CẤP ĐỘ KHÁI NIỆM

Phan Trọng Hoàng Linh

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: phantrongoanglinh@gmail.com

Ngày nhận bài: 24/01/2024; ngày hoàn thành phản biện: 4/3/2024; ngày duyệt đăng: 5/3/2024

TÓM TẮT

M.M. Bakhtin là người có ảnh hưởng lớn đối với lịch sử thi pháp học hiện đại trên thế giới. Từ thập niên 80 của thế kỷ trước, trong sự phát triển của thi pháp học ở nước ta, việc tiếp nhận ngày càng đầy đủ các quan điểm thi pháp học của Bakhtin có ý nghĩa quan trọng, góp phần định hình diện mạo thi pháp học Việt Nam trong gần bốn thập kỷ. Bài viết này trình bày một cái nhìn hệ thống đối với tình hình ứng dụng các khái niệm thuộc nguyên lý carnival của Bakhtin trong nghiên cứu – phê bình văn học ở Việt Nam, từ đó đưa ra một số đánh giá và đề xuất cho việc ứng dụng Bakhtin trong tương lai.

Từ khóa: Bakhtin, carnival, nghiên cứu – phê bình văn học ở Việt Nam

1. MỞ ĐẦU

Trong hai chuyên luận khoa học nổi tiếng nhất của Bakhtin, đặc biệt là cuốn *Những vấn đề thi pháp Dostoievski* với sự chỉnh sửa, bổ sung ở lần tái bản năm 1963, có thể thấy rõ ý thức của tác giả muốn hợp nhất toàn bộ thành tựu học thuật vào một hệ thống. Song, mong muốn đó không thể ngăn được giới nghiên cứu nhận ra ba mảng đóng góp nổi bật của ông trong các vấn đề liên quan đến carnival, đối thoại và thể loại văn học. Điều này bắt nguồn từ tiềm năng nghiên cứu độc lập của mỗi bộ khái niệm mà Bakhtin xây dựng. Phần nhiều trong đó là các khái niệm sẵn có nhưng được Bakhtin xác lập một nội hàm mới. Liên quan đến nguyên lý carnival là các khái niệm như carnival, trào tiếu, nghịch dị, giễu nhại,... Với nguyên lý đối thoại là các khái niệm như đối thoại, tiểu thuyết đa thanh, tác giả, nhân vật, giọng điệu,... Với lý thuyết thể loại văn học là các khái niệm như tiểu thuyết, sử thi, dung hợp thể loại, thời - không gian, lời hai giọng,... Bài viết này tập trung vào việc ứng dụng hệ thống khái niệm liên quan đến nguyên lý carnival trong nghiên cứu – phê bình văn học Việt Nam.

2. NỘI DUNG

Ở Việt Nam, việc ứng dụng các khái niệm của Bakhtin theo từng mảng tri thức là rất phổ biến. Kiểu ứng dụng này, bên cạnh những thuận tiện, cũng tiềm ẩn một số nguy cơ. Tuy nhiên, thao tác phân loại của chúng tôi sẽ không dựa trên lần lượt từng khái niệm, xuất phát từ thực tế là hiệu quả ứng dụng thường không được thể hiện nhiều qua việc trích dẫn hoặc gọi nhắc một vài thuật ngữ riêng lẻ. Hơn nữa, việc tổng hợp toàn bộ công trình, bài viết có xuất hiện một hoặc một vài thuật ngữ của Bakhtin nằm ngoài khả năng bao quát của chúng tôi, nhất là với tình trạng Bakhtin đã có lúc trở thành cái tên thời thượng trong giới nghiên cứu văn học ở Việt Nam, và trích dẫn ông trở thành cái mốt.

Tương ứng với mỗi mảng tri thức của Bakhtin, việc phân loại công trình được chúng tôi tiến hành lần lượt trên hai cấp độ tiêu chí: cấp độ đầu tiên dựa vào *đối tượng nghiên cứu*: văn học nước ngoài hay văn học Việt Nam; cấp độ thứ hai dựa vào *cách thức ứng dụng*: sử dụng lý thuyết như bộ “mã khóa” duy nhất để lý giải đối tượng, hay là kết hợp lý thuyết của Bakhtin với các lý thuyết khác.

Theo khảo sát của chúng tôi, trong nhóm ứng dụng này, Đỗ Đức Hiếu có lẽ là người đầu tiên ở Việt Nam nghiên cứu - phê bình văn học từ nguyên lý carnival. Năm 1990, ông công bố tiểu luận “Thế giới thơ Nôm Hồ Xuân Hương” trên tạp chí *Văn học* số tháng 5. Ông nhận thấy: “Thơ Hồ Xuân Hương chủ yếu là ngày hội của bản năng, một festival của cơ thể người phụ nữ, một đám rước dân gian náo nhiệt, barôc, grotesque. Thế giới thơ Nôm Hồ Xuân Hương là thế giới vô vàn scandales, những cú huých, những thách thức” (Đỗ Đức Hiếu, 1999, tr.536). Tuy vậy, vì quan niệm người phê bình muốn tìm ý nghĩa của tác phẩm “phải xuất phát từ cái biểu đạt”, tiểu luận này vẫn bó khung trong phạm vi văn bản, hầu như không khai thác được tiềm năng của nguyên lý carnival. Cũng từ đây, nguyên lý carnival dần được các nhà nghiên cứu nước ta ứng dụng rộng rãi để tiếp cận không chỉ văn học Việt Nam mà cả các hiện tượng văn học nước ngoài.

2.1. Ứng dụng nguyên lý carnival trong nghiên cứu - phê bình các hiện tượng văn học nước ngoài

- Cách ứng dụng thứ nhất:

Tiêu biểu có các công trình: “Sự song hành của thời gian carnival trong *Don Quixote* của Cervantes” (2005) của Đào Duy Hiệp, “Tính chất carnival trong tiếng cười của Mark Twain” (2008) của Dương Thị Ánh Tuyết, “Dấu ấn Carnival hóa trong *Truyện mười ngày* của Boccaccio” (2008) của Trần Nhật Thu, “Chủ nghĩa hiện thực nghịch dị trong tiểu thuyết *Don Quixote* của Cervantes” (2013), “Không gian và thời gian nghệ thuật trong tiểu thuyết *Don Quixote* của Cervantes - từ lý thuyết văn hóa trào tiêu dân gian” (2014) của Phan Trọng Hoàng Linh,...

Phần lớn trong số này lựa chọn đối tượng thuộc nền văn học châu Âu thời Trung cổ và Phục hưng, nghĩa là có nền tảng văn hóa gần gũi với Rabelais. Lợi thế của các nghiên cứu này là hầu như không cần phải giới thuyết về cơ sở văn hóa của đối tượng, vì Bakhtin đã làm điều đó khi đặt Rabelais trong tương quan với các tác giả cùng thời. Tuy nhiên, trong dòng chảy carnival hóa thời Phục hưng, Bakhtin đánh giá Rabelais là tác giả vĩ đại và toàn vẹn nhất. Nghiên cứu Cervantes, Boccaccio, Shakespeare,... trong sự bao quát thuần túy của nguyên lý carnival, mà không có thêm sự kết hợp liên lý thuyết nào hoặc không dựa trên một bộ khung lý luận riêng để đưa ra những ý tưởng độc sáng nhằm làm nổi bật cá tính sáng tạo của nhà văn, giá trị độc đáo của tác phẩm, thì thật khó mang lại nhiều đóng góp. Cũng có người tiếp cận đối tượng thuộc về nền văn học của thời đại mới. Cụm từ “thời đại mới” được dùng theo cách hiểu của Bakhtin, để chỉ thời kỳ từ chủ nghĩa cổ điển (thế kỷ XVII) về sau, khi sự ảnh hưởng của văn hóa trào tiêu dân gian đối với sáng tác văn học đã không còn “thuần chất” như những gì Bakhtin từng miêu tả.

- Cách ứng dụng thứ hai:

Tiêu biểu có các công trình: “Gogol - thử nhận chân một thế giới nghệ thuật” (2002), “Thử nhận chân thế giới nghệ thuật của Gogol” (2009) của Phạm Vĩnh Cư, “Nghịch dị trong nghệ thuật khắc họa chân dung nhân vật của Oe Kenzaburo (qua tiểu thuyết *Một nỗi đau riêng*)” (2008) của Ôn Thị Mỹ Linh,... Đặc biệt, còn có các chuyên luận: *Tự sự kiểu Mạc Ngôn* (2013) của Nguyễn Thị Tịnh Thy, *Nghệ nhân và Margarita (M. Bulgakov)* và *đặc điểm tiểu thuyết huyền thoại thế kỷ XX* (2016) của Nguyễn Thị Như Trang,...

Số lượng học giả và công trình tham gia vào cách ứng dụng này nhiều hơn đáng kể so với cách ứng dụng thứ nhất. Quan trọng hơn, trong khi cách ứng dụng thứ nhất chỉ dừng lại ở các bài viết, tiểu luận nhỏ lẻ, thì cách ứng dụng thứ hai đã xuất hiện một vài chuyên luận. Điều đó cho thấy, những biến thể của cái nghịch dị trong tác phẩm văn học thời đại mới, đặc biệt khi trở thành đối tượng của các công trình nghiên cứu quy mô, tự chúng đã đòi hỏi những bộ khung nghiên cứu lệch ra khỏi bộ công cụ mà Bakhtin từng sử dụng để giải mã Rabelais.

Từ năm 2002, Phạm Vĩnh Cư đã thể hiện dấu ấn của nguyên lý carnival trong tiểu luận về thế giới nghệ thuật N.V. Gogol. Gọi là “tiểu luận” nhưng dung lượng lên đến hơn 80 trang giấy in khổ A4, chia thành hai phần. Phần đầu với nhan đề “Gogol - thử nhận chân một thế giới nghệ thuật”, công bố lần đầu trên tạp chí *Văn học nước ngoài*, số 5/2002, sau được đưa vào in chung trong sách *Sáng tạo và giao lưu* năm 2007. Phần sau với nhan đề “Thử nhận chân thế giới nghệ thuật của Gogol” tiếp tục đăng trên *Văn học nước ngoài*, số 5/2009. Có thể dễ dàng nhận ra sự tiếp thu quan niệm của Bakhtin trong cách triển khai vấn đề: cũng bắt đầu với tiếng cười như là nhân tố bộc lộ cảm quan của nhà văn về thế giới và con người, từ đó tỏa ra các phương diện còn lại

của thế giới nghệ thuật. Ông cũng tiếp thu kiến giải của Bakhtin trong bài “Rabelais và Gogol (Nghệ thuật ngôn từ và văn hóa trào tiêu dân gian)” để định danh Gogol là “nhà văn trào tiêu”, tiếng cười của Gogol là “tiếng cười hai chiều”, và thế giới hình tượng của Gogol là thế giới được khúc xạ qua cái “guồng nghệ thuật nghịch dị”. Các chủ đề như tôn giáo, tình yêu, cái đương thời và cái lịch sử, cái dân tộc và cái nhân loại đều được Phạm Vĩnh Cư trù xuất và diễn giải trên nền tảng quan niệm về “tính tiêu thuyết” trong lý thuyết thể loại của Bakhtin. Đây xứng đáng là công trình nghiên cứu tiêu biểu được viết trên nền tảng tri thức uyên bác của một chuyên gia hàng đầu về tiếng Nga và văn học Nga. Toàn bộ tiểu luận đầy ắp giá trị tư liệu và những điểm phát hiện, kiến giải độc đáo về thế giới tư tưởng của một trong những văn hào vĩ đại nhất thế giới.

Trong công trình *Nghệ nhân và Margarita* (M. Bulgakov) và *đặc điểm tiểu thuyết huyền thoại thế kỷ XX* (2016) của Nguyễn Thị Như Trang, Bakhtin hiện diện trong hầu khắp các chương mục, đặc biệt là chương 3, cũng là chương mà nguyên lý carnival được vận dụng nhiều nhất. Trên cơ sở chỉ ra những đặc điểm của thời - không gian trong tiểu thuyết *Nghệ nhân và Margarita*, nhà nghiên cứu xem thế giới hình tượng của tác phẩm như một “thế giới chơi”, “một mê cung” có ý nghĩa làm môi trường tồn tại cho hai hình thức “chơi” chính yếu: liên văn bản và carnival - nghịch dị. Trò chơi carnival - nghịch dị chi phối đậm nét đến tính chất “người chơi đeo mặt nạ” của hệ thống nhân vật. Cuốn tiểu thuyết thường khai thác loại nhân vật tích hợp bên dưới lớp mặt nạ nhiều khuôn mặt song trùng, nhiều motif từng xuất hiện trong các văn bản tôn giáo và nghệ thuật trước đó, được kiến tạo dựa trên thủ pháp nghịch dị. Những phân tích hấp dẫn và giàu tính thuyết phục về sự hiện diện của trò chơi qua các trường đoạn có thể gợi nhớ đến những trang viết xuất sắc của Bakhtin về hình ảnh các lễ hội dân gian, các hình thức hóa trang, các trò diễn tấn phong - hạ bệ,... trong kiệt tác của Rabelais.

Đối tượng của các công trình trên, mặc dù thuộc về những thế hệ xa xôi của mạch ngầm carnival hóa, nhưng đặc tính thẩm mỹ trong thế giới nghệ thuật của chúng đều không quá xa lạ với chủ nghĩa hiện thực nghịch dị truyền thống. Những kết quả nghiên cứu đạt được đã càng làm thuyết phục hơn dự cảm của Bakhtin về sự hồi sinh của những sáng tác văn học mang âm hưởng carnival, đặc biệt từ thế kỷ XX, ở những không gian văn hóa - địa lý ngoài châu Âu.

2.2. Ứng dụng nguyên lý carnival trong nghiên cứu - phê bình các hiện tượng văn học Việt Nam

- Cách ứng dụng thứ nhất:

Tiêu biểu có các công trình: “Thế giới thơ Nôm Hồ Xuân Hương” (1990) của Đỗ Đức Hiểu, “Mỹ học nghịch dị trong *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng” (2003) của Đào Tuấn Ảnh, “Chất hài hước, nghịch dị trong *Mười lẻ một đêm*” (2006) của Hoài Nam, “Ngôn ngữ tiêu

thuyết độc đáo” (2009), “*Phiên chợ Giát và cảm quan carnaval về không gian và thời gian*” (2012) của Nguyễn Xuân Huy, “*Hồ Anh Thái và nỗ lực đổi mới văn xuôi Việt Nam sau 1986*” (2016) của Bùi Thanh Truyền và Lê Biên Thùy, “*Carnaval hóa trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại*” (2017) của Vũ Thị Thanh Hoài,...

Trong văn học trung đại Việt Nam, Hồ Xuân Hương là trường hợp bật phát hiếm hoi mà mạch nguồn dân gian thâm nhập được vào sáng tác thành văn một cách có hệ thống và tạo nên giá trị đỉnh cao. Nhưng ở thời hiện đại, việc nhà văn tìm cảm hứng và chất liệu nghệ thuật trong kho tàng văn hóa dân gian đã thành hiện tượng phổ biến.

- Cách ứng dụng thứ hai:

Tiêu biểu có các công trình: “*Thực hành thơ như là thực hành sống - Hồ Thế Hà - một trải nghiệm chơi*” (2015), “*Trò chơi ngôn ngữ trong Không biết đâu mà lân của Văn Thành Lê*” (2016) của Phan Tuấn Anh,... Và các chuyên luận: *Những dấu hiệu của chủ nghĩa hậu hiện đại trong văn xuôi Việt Nam đương đại (Giai đoạn 1986 - 2012)* (2016) của Phùng Gia Thế, *Nghệ thuật nghịch dị trong tiểu thuyết Việt Nam* (2018) của Huỳnh Thu Hậu,...

Điểm chung của những người nghiên cứu văn học Việt Nam đương đại theo cách ứng dụng thứ hai là thường kết hợp nguyên lý carnaval với các thuật ngữ của chủ nghĩa hậu hiện đại để giải quyết mục tiêu khoa học. Bakhtin được thừa nhận là một trong những người đặt nền móng quan trọng cho chủ nghĩa hậu hiện đại, nhiều tư tưởng triết - mỹ và ngữ văn học của ông được tiếp thu và phát triển. Nên theo chúng tôi, đây là cách vận dụng hợp lý và nhiều triển vọng.

Trong chuyên luận *Những dấu hiệu của chủ nghĩa hậu hiện đại trong văn xuôi Việt Nam đương đại (Giai đoạn 1986 - 2012)*, Phùng Gia Thế xác định một trong những biểu hiện của chủ nghĩa hậu hiện đại trong văn xuôi Việt Nam hiện nay là mô hình thể giới giải thiêng vận hành trên phương thức carnaval hóa. Mô hình này được kiến tạo dựa vào ba phương diện: a/ giễu nhại; b/ siêu hư cấu, lối trần thuật mảnh đoạn và sự pha trộn thể loại; c/ thông tục hóa phi thẩm mỹ ngôn từ, sự bành trướng cái biểu đạt và sự hỗn loạn của diễn ngôn. Giễu nhại lúc này không chỉ là một thủ pháp, một yếu tố mà đã là một nguyên tắc thể giới quan, gắn với nhu cầu chống lại sự áp đặt của cái chính thống. Có thể nói đến cảm quan giễu nhại từ văn bản đến hình tượng, từ yếu tố đến chính thể. Siêu hư cấu, trần thuật mảnh đoạn và pha trộn thể loại cũng là những kỹ thuật được các nhà văn có xu hướng hậu hiện đại sử dụng phổ biến. Nếu văn xuôi trước 1975 hướng tới sự “mỹ hóa” thì văn xuôi sau 1975, đặc biệt là sau 1986, thiên về “diễn tả thực tại trong những trạng thái tục tằn, thô nhám nhất của nó” (Phùng Gia Thế, 2016b, tr.255). Bản chất của ngôn từ có sự thay đổi cơ bản: hiện tượng thông tục hóa phi thẩm mỹ ngôn từ gắn liền với thái độ giải thiêng của nhà văn, cho thấy dấu hiệu của sự xóa nhòa ranh giới giữa tính tình tuyền với tính bình dân trong sáng tác

văn học. Mỗi dấu hiệu của chủ nghĩa hậu hiện đại đều được Phùng Gia Thế phân tích chi tiết, dẫn chứng phong phú và thuyết phục. Song, vì tác giả nặng về khái quát thực tế và phân tích các yếu tố của tác phẩm mà ít giới thuyết khái niệm, nên khó tránh một vài điểm làm nảy sinh nghi vấn. Ví như, bên cạnh các vấn đề ít nhiều đã được đề cập trong các công trình của Bakhtin như giễu nhại, pha trộn thể loại, thông tục hóa ngôn từ,... thì người đọc tự hỏi những vấn đề như siêu hư cấu hay trần thuật mảnh đoạn liên quan đến carnival hóa như thế nào? Có phải tác phẩm nào được tổ chức theo lối siêu hư cấu hay trần thuật mảnh đoạn thì đều có tính chất carnival?

Cũng nằm trong xu hướng kết hợp lý thuyết, nhưng với chuyên luận *Nghệ thuật nghịch dị trong tiểu thuyết Việt Nam* (2018), phạm trù cái nghịch dị được Huỳnh Thu Hậu giới thuyết và vận dụng bằng cách kết hợp quan niệm của Bakhtin với quan niệm của nhiều học giả khác như W. Kayser, Ph. Thomson, N.D. Tamarchenko,... Tác giả viết:

Nghịch dị là một kiểu tổ chức hình tượng nghệ thuật (hình tượng, phong cách, thể loại) dựa vào huyền tưởng, tiếng cười, sự phóng đại, lối kết hợp và tương phản một cách kỳ quặc cái huyền hoặc với cái thực, cái đẹp với cái xấu, cái bi với cái hài, là sự hòa trộn của cái hài với cái kinh dị, cái giống như thực với cái biếm họa, bình thường và bất thường, lạ lùng, kỳ quặc. Nghệ thuật nghịch dị là một kiểu ước lệ đặc thù: nó công nhiên và chú ý trình bày một thế giới dị thường, trái tự nhiên. Hạt nhân quan trọng nhất của nó là tính lưỡng trị, tính nước đôi, tính chưa hoàn kết [8, tr.71].

Tác giả cũng phân biệt cái nghịch dị và cái kỳ ảo:

Theo chúng tôi, Grotesque nghiêng về khía cạnh cấu trúc, chức năng, yếu tố. Fantastic nghiêng về tâm thế của sự tiếp nhận. Muốn biết đó là nghịch dị hay kỳ ảo thì phải xem cấu trúc tổng thể mà nó được đặt vào (và ở đây đang nhìn từ góc độ cấu trúc luận) nếu nó tạo ra một hiệu ứng hoang mang nơi người đọc thì đó là Kỳ ảo. Và nếu nó gắn với tiếng cười (humour) và phóng đại thì đó là Grotesque [8, tr.71].

Từ lập trường lý thuyết đó, Huỳnh Thu Hậu tiến hành ghi nhận vai trò của nghệ thuật nghịch dị trong sự đổi mới văn học Việt Nam đương đại và khái quát đặc trưng của nghệ thuật nghịch dị trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại từ hệ thống hình tượng và phương thức biểu hiện.

Trước hết, tương ứng với những nội dung được trình bày, tên cuốn sách lẽ ra phải là *Nghệ thuật nghịch dị trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại*. Quan trọng hơn, trong phần giới thuyết, tác giả chưa giải quyết một nhiệm vụ trọng yếu được đặt ra trực tiếp từ hai vấn đề: *Thứ nhất*, cái nghịch dị không phải là một phạm trù mỹ học ngưng kết về ý nghĩa nội hàm mà có sự dịch biến qua các thời đại văn hóa/ văn học. Quan điểm của các nhà nghiên

cứu về bản chất ở mỗi thời đại của cái nghịch dị cũng không hoàn toàn thống nhất, thậm chí còn có sự khác biệt rất lớn. Đơn cử, Bakhtin đã phải dành đến 120 trang sách trong chuyên luận nổi tiếng của ông để hệ thống hóa các quan niệm từng xuất hiện về bản chất của cái nghịch dị trong sáng tác Rebelais. Điều này tạo thành một tổng thể khung cảnh lý thuyết nghịch dị cực kỳ đa tạp. Chúng ta có thể hình dung phần nào tính đa tạp ấy qua phần khái lược của chính tác giả Huỳnh Thu Hậu. *Thứ hai*, yếu tố nghịch dị trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại có nhiều nguồn gốc thâm nhập khác nhau: có thể từ văn hóa dân gian bản địa, từ văn học hiện đại/ hậu hiện đại châu Âu, cũng có thể từ chủ nghĩa hiện thực huyền ảo Mỹ Latin,... Những nguồn ảnh hưởng ấy lại kết hợp với thể tạng nghệ thuật riêng của từng nhà văn, cho nên cái nghịch dị trong tiểu thuyết Hồ Anh Thái khác xa cái nghịch dị của Nguyễn Bình Phương, cái nghịch dị của Đặng Thân cũng không giống cái nghịch dị của Tạ Duy Anh,... Như vậy, nhiệm vụ của người nghiên cứu là phải đưa ra được một hệ thống quan điểm nhất quán về các dạng thức của cái nghịch dị trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại cũng như những biểu hiện đặc trưng của chúng (chứ không phải một quan niệm chung chung), thì từ đó, việc khái quát và phân tích các hiện tượng cụ thể mới thật sự đáp ứng yêu cầu khoa học. Nếu không, phạm vi của thứ được gọi là “nghệ thuật nghịch dị” sẽ rất dễ trở nên ô mồm, rồi muôn người như một. Nó cũng dẫn đến việc, dù tác giả đã cố gắng phân biệt cái nghịch dị và cái kỳ ảo, nhưng khi thực hành phân tích các trường hợp cụ thể, dường như cứ cái gì là ảo hoặc dị thường thì đều bị quy vào phạm trù nghịch dị. Người đọc hầu như không nhận ra hướng tiếp cận mới từ lý thuyết nghịch dị này đã dẫn đến những phát hiện khoa học nào cũng mới mẻ tương xứng. Bởi lẽ, đã quá nhiều công trình nghiên cứu cái kỳ ảo, cái huyền ảo, cái huyền thoại, cái phi lý,... trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại.

2.3. Một số đánh giá và đề xuất

- Một số đánh giá:

Thứ nhất, số lượng của các công trình ứng dụng nguyên lý carnival trong nghiên cứu - phê bình văn học được phân bố khá đồng đều ở các nhóm tiêu chí phân loại. Điều đó cho thấy sự phổ biến của mảng tri thức này đối với giới nghiên cứu văn học nước ta.

Thứ hai, nguyên lý carnival được vận dụng nhiều nhất với tư cách cơ sở mỹ học để lý giải các hiện tượng liên quan đến cái hài gắn với cái tục trong văn học Việt Nam và văn học nước ngoài qua các thời đại. Trước khi các công trình của Bakhtin được dịch và giới thiệu ở Việt Nam, tiếng cười bật ra từ cái tục gần như chỉ được xem là mặt trái của chủ nghĩa tự nhiên, có tính nguy hại đối với đời sống thẩm mỹ. Trong cuốn *Văn học phương Tây* (Nxb. Giáo dục), một công trình được biên soạn bởi nhiều học giả uy tín và từ lâu đã trở thành tài liệu phổ biến cho sinh viên ngữ văn trên giảng đường đại học khắp cả nước, thì đến lần tái bản thứ 3 năm 1999, chương viết về F. Rabelais hầu như vẫn chú trọng vào giá trị phê phán nhà nước phong kiến và giáo hội Cơ đốc, cổ vũ khoa học và chủ nghĩa nhân văn, còn các phương diện liên

quan đến cái tục đều không được nhắc đến. Việc nghiên cứu mảng đậm tục trong thơ Hồ Xuân Hương cũng tương tự, hoặc chú trọng vào ý nghĩa phê phán xã hội, hoặc có thừa nhận sức hấp dẫn của các biểu tượng lấp lửng thì cũng gần như bế tắc trong việc biện minh cho mặt tích cực của chúng. Có thể nói, việc tiếp nhận lý thuyết carnival của Bakhtin với công trình *Sáng tác của François Rabelais và nền văn hóa dân gian Trung cổ và Phục hưng* là bước ngoặt trong nghiên cứu cái tục như một giá trị mỹ học ở nước ta, nhờ đó, phạm trù cái hài cũng được xem xét đầy đủ, toàn diện hơn.

Thứ ba, đối với văn học từ thời trung đại trở về trước, tính chất carnival trong tác phẩm thường được nhìn nhận từ sự thâm nhập của văn hóa, tín ngưỡng dân gian; còn với văn học hiện đại và đặc biệt là văn học hậu hiện đại, carnival hóa thường được xác định như một nguyên tắc thế giới quan của thời đại mới đề cao dân chủ, chống đại tự sự, giải huyền thoại,... Đã xuất hiện những chuyên luận và tiểu luận được đầu tư nhiều tâm huyết, trong đó, người nghiên cứu kế thừa thành công quan niệm của Bakhtin để chủ động phát hiện và phân tích thuyết phục giá trị tư tưởng - thẩm mỹ của các hiện tượng văn học trong và ngoài nước.

Thứ tư, việc kết hợp nguyên lý carnival với các lý thuyết khác trong nghiên cứu - phê bình văn học ở nước ta mang lại nhiều đóng góp học thuật hơn so với cách ứng dụng còn lại, vốn phần nhiều thiên về tính thể nghiệm lý thuyết.

- Một số đề xuất:

Thứ nhất, đối với việc ứng dụng nguyên lý carnival trong nghiên cứu - phê bình văn học, cần tránh cách hiểu giản lược các khái niệm, đặc biệt là khái niệm nghịch dị. Trong chuyên luận về Rabelais, Bakhtin đã khái quát hành trình của cái nghịch dị qua các giai đoạn lịch sử - văn hóa. Ở mỗi giai đoạn, sắc thái nghĩa của cái nghịch dị đều có sự biến chuyển do tác động phức tạp của đời sống tư tưởng, văn hóa, chính trị. Cảm quan carnival thâm thấu trong hình tượng nghịch dị, gắn với tiếng cười nhị chức năng được Bakhtin lý giải trong sáng tác của Rabelais cũng chỉ chủ đạo ở một thời đoạn nhất định. Thế nhưng, một vài nhà nghiên cứu, có thể vì không đọc kỹ trước tác của Bakhtin, đã đánh đồng cảm quan carnival như một thuộc tính phổ quát của cái nghịch dị, dẫn đến tình trạng đọc sai, hiểu nhầm không đáng có.

Thứ hai, cần xác định rõ cơ sở của việc ứng dụng nguyên lý carnival khi nghiên cứu. Một số công trình đã không tách bạch trong việc xác định yếu tố carnival tồn tại trong tác phẩm như một truyền thống văn hóa, hay như một nguyên tắc thế giới quan của thời đại mới mà những phát kiến của nhóm Bakhtin đã góp phần hình thành. Nếu là *một truyền thống văn hóa* thì nhà nghiên cứu cần chỉ ra đường dây kết nối giữa trường hợp cụ thể của đối tượng nghiên cứu với mạch nguồn văn hóa trào tiêu dân gian, có tính đến nét đặc thù của từng khu vực văn hóa. Chúng tôi chỉ xin đơn cử một ví dụ: Rượu là một biểu tượng văn hóa nghi lễ - ẩm thực có tính nhân loại từ thuở sơ khai. Nhưng bên cạnh nét nghĩa vui tươi, hội hè tương tự những gì Bakhtin miêu tả trong văn hóa châu Âu thời Trung cổ - Phục hưng,

hình tượng rượu trong văn hóa dân gian Việt Nam cũng bao hàm cả nét nghĩa tiêu cực. Vậy thì nhà nghiên cứu không thể lờ đi thực tế đó, ứng dụng nguyên vẹn nguyên lý carnival theo quan điểm của Bakhtin để nghiên cứu những tác phẩm mà hình tượng rượu có vai trò quan trọng trong thế giới nghệ thuật. Nếu xác định yếu tố carnival trong tác phẩm là *một nguyên tắc thế giới quan của thời hậu hiện đại* thì không thể bỏ qua khâu giới thuyết thể hiện quan điểm của nhà nghiên cứu về sự khác biệt, chẳng hạn giữa cái nghịch dị hậu hiện đại với cái nghịch dị thời Trung cổ - Phục hưng. Dẫu biết nhiều lý thuyết gia và người sáng tác thuộc trào lưu hậu hiện đại rất hâm mộ Bakhtin, thì cảm quan carnival trong tác phẩm của họ cũng chịu sự quy định tất yếu từ đặc trưng văn hóa thời đại họ đang sống. Nhiều nhà nghiên cứu đã có phát hiện đầy lý thú về tính chất carnival của không gian mạng internet, cũng như sự chi phối của nó trong sáng tác nghệ thuật. Và thiết nghĩ, chính những hình thái mới của ngày hôm nay làm nên giá trị của tư duy carnival, chứ không phải sự bảo lưu trọn vẹn từ truyền thống hàng trăm, hàng nghìn năm trước.

Thứ ba, đề xuất này được rút ra từ hai đề xuất nói trên: mọi thực hành lý thuyết đều cần lấy đối tượng nghiên cứu làm trung tâm, tránh hiện tượng minh họa lý thuyết, “đeo chân cho vừa giày”, gây tổn hại đến tính độc đáo tự thân của đối tượng nghiên cứu. Giá trị của một công trình học thuật là đến từ thực chất của phương pháp vận dụng và kết quả nghiên cứu, chứ không phải từ tính thời thượng của lý thuyết nghiên cứu.

Thứ tư, đã hơn một thập niên kể từ thời điểm công trình *Sáng tác của François Rabelais và nền văn hóa dân gian Trung cổ và Phục hưng* được dịch giả Từ Thị Loan chuyển ngữ. Chừng đó thời gian đã quá đủ cho những bước đi ban đầu, bỏ ngõ làm quen, tập tành vận dụng trong nghiên cứu văn học. Theo chúng tôi, cho đến lúc này, việc ứng dụng nguyên lý carnival vẫn còn tiềm năng, nhưng chủ yếu là trong sự kết hợp thực hành liên lý thuyết. Đây là hướng đi cần được phát huy.

Với tư cách của người tiếp nhận Bakhtin, chúng tôi hoàn toàn không loại trừ bản thân ra khỏi những điểm hạn chế của thực tế ứng dụng như đã nêu trên. Những đề xuất này chỉ thể hiện thái độ cầu thị, học hỏi của chính người viết, nhằm hướng tới những công trình nghiên cứu thật sự có giá trị trong tương lai.

3. KẾT LUẬN

Trong hệ thống thi pháp học của Bakhtin, các nhà nghiên cứu vẫn thường nhìn nhận nguyên lý carnival và nguyên lý đối thoại như hai trục lý thuyết, ở giữa là quan niệm của ông về thi pháp thể loại. Trên quan điểm cá nhân, chúng tôi xem carnival là nguồn gốc và cơ sở văn hóa cho tư duy đối thoại được thể hiện trong các thể loại lời nói, và tiểu thuyết là thể loại được Bakhtin chuyên chú nhất. Đã có một hệ thống khái niệm liên quan đến nguyên lý carnival được ứng dụng một cách phổ biến trong nghiên cứu – phê bình văn học ở Việt Nam từ thập niên 90 của thế kỷ XX đến nay. Các

công trình ứng dụng được chúng tôi phân loại dựa trên đối tượng nghiên cứu: văn học nước ngoài hay văn học Việt Nam; và cách thức ứng dụng: sử dụng lý thuyết như bộ “mã khóa” duy nhất để lý giải đối tượng, hay là kết hợp lý thuyết của Bakhtin với các lý thuyết khác. Việc ứng dụng các khái niệm trong nguyên lý carnival xuất hiện ở rất nhiều công trình, bởi tính dễ dàng, tiện lợi, không đòi hỏi quá nhiều công phu nghiên cứu lý thuyết. Nhưng cũng vì thế, các công trình có giá trị chỉ thuộc số ít, còn đa phần rơi vào tình trạng “hót ngọn”, “nói theo”, “đeo chân cho vừa giày”,... Trên cơ sở ghi nhận thực tế ấy, chúng tôi đã mạnh dạn nêu một số đề xuất nhằm nâng cao chất lượng ứng dụng nguyên lý carnival nói riêng và thi pháp học của Bakhtin nói chung vào việc nghiên cứu – phê bình văn học ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Phan Tuấn Anh (2019). *Văn học Việt Nam đổi mới – từ những góc nhìn tham chiếu*, Nxb Văn hóa – văn nghệ, Tp Hồ Chí Minh.
- [2]. Phan Tuấn Anh (2020). *Những khu vực văn học ngoại biên*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [3]. M.M. Bakhtin (1992). *Lý luận và thi pháp tiểu thuyết*, Phạm Vĩnh Cư tuyển dịch, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [4]. M.M. Bakhtin (1998). *Những vấn đề thi pháp Dostoevski*, Trần Đình Sử, Lại Nguyên Ân và Vương Trí Nhàn dịch, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [5]. M.M. Bakhtin (2006). Tiểu thuyết giáo dục và ý nghĩa của nó trong lịch sử chủ nghĩa hiện thực, Ngân Xuyên dịch, *Tạp chí Văn học nước ngoài*, 1, tr.140-198.
- [6]. Phạm Vĩnh Cư (2007). *Sáng tạo và giao lưu*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [7]. Đặng Anh Đào, Hoàng Nhân & nhiều tác giả khác (1999), *Văn học phương Tây*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [8]. Huỳnh Thu Hậu (2018), *Nghệ thuật nghịch dị trong tiểu thuyết Việt Nam*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [9]. Đào Duy Hiệp (2008). *Phê bình văn học từ lý thuyết hiện đại*, NXb Giáo dục, Hà Nội.
- [10]. Phan Trọng Hoàng Linh (2016). Carnival hóa trong tư duy tiểu thuyết Hồ Anh Thái, *Văn học Việt Nam trong xu hướng toàn cầu hóa*, Nxb Thông tin và truyền thông, Hà Nội.
- [11]. Phan Trọng Hoàng Linh (2017). Từ rượu đến carnival và đối thoại trong tiểu thuyết Nguyễn Việt Hà, *Văn chương nghệ thuật và thiết chế văn hóa*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [12]. Phan Trọng Hoàng Linh (2018). Nguyên lý carnival trong thi pháp học của Mikhail Bakhtin, *Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh*, 11, tr.21-32,
- [13]. Ôn Thị Mỹ Linh (2008). Nghịch dị trong nghệ thuật khắc họa chân dung nhân vật của Oe Kenzaburo, *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, 3, tr.88-97.
- [14]. Dương Thị Ánh Tuyết (2008). Tính chất carnival trong tiếng cười của Mark Twain, *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, 4, tr.96-108.

- [15]. Vũ Thị Hoài Thanh (2017). Carnival trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại, *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, 8, tr.73-84.
- [16]. Phùng Gia Thế (2016), *Những dấu hiệu của chủ nghĩa hậu hiện đại trong văn xuôi Việt Nam đương đại*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [17]. Đỗ Lai Thúy (1999). *Hồ Xuân Hương hoài niệm phồn thực*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [18]. Nguyễn Thị Tịnh Thy (2013). *Tự sự kiểu Mạc Ngôn*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [19]. Nguyễn Thị Như Trang (2016). *Nghệ nhân và Margarita (M. Bulgacov) và đặc điểm tiểu thuyết huyền thoại thế kỷ XX*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

APPLICATION OF M.M. BAKHTIN'S CARNAVAL PRINCIPLE IN LITERARY RESEARCH - CRITICISM IN VIETNAM FROM CONCEPTUAL PERSPECTIVE

Phan Trong Hoang Linh

Faculty of Literature and Linguistics, University of Sciences, Hue University

Email: phantronghoanglinh@gmail.com

ABSTRACT

M.M. Bakhtin had a great influence on the history of modern poetics in the world. From the 1980s onwards, the adoption of Bakhtin's poetics was of great significance, contributing to the development of poetics in Vietnam in nearly four decades. This paper presents a systematic view of the application of concepts of carnival principle in literary research - criticism in Vietnam, giving some assessments and suggestions for the application of Bakhtin in the future.

Keywords: Bakhtin, carnival, literary research and criticism in Vietnam



Phan Trọng Hoàng Linh sinh năm 1989 tại thành phố Huế. Ông tốt nghiệp Cử nhân và Thạc sĩ tại trường Đại học Khoa học, Đại học Huế vào các năm 2011 và 2014; bảo vệ thành công luận án tiến sĩ chuyên ngành Lý luận văn học, khoa Văn học, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Tp Hồ Chí Minh vào năm 2022. Hiện nay, ông đang công tác tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: lý luận văn học.

